

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Tăng Thị Ngọc G, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trương Văn T và bà Tăng Thị Ngọc G chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 01/2004 ngày 29/7/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, đến tháng 8/2017 thì vợ

chồng không còn sống chung. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T âm mưu cầu được ly hôn với bà Tăng Thị Ngọc G.

Về con chung: Ông T và bà G có hai con chung là Trương Vĩnh H, sinh ngày 27/8/2006 và Trương Gia B, sinh ngày 03/9/2013. Khi ly hôn, ông T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tăng Thị Ngọc G đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà G không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương thì bà Tăng Thị Ngọc G có đăng thường trú tại địa chỉ tổ 2, ấp P, xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà G, chính quyền địa phương không rõ.

Con chung của ông T và bà G là Trương Vĩnh H có văn bản trình bày ý kiến: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu H có nguyện vọng được sống với ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện Kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Ông Trương Văn T và bà Tăng Thị Ngọc G chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 01/2004 ngày 29/7/2004, là hôn nhân hợp pháp. Ông T trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn sống cùng nhau từ năm tháng 8/2017, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Bà G không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ. Về con

chung, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trương Vĩnh H, sinh ngày 27/8/2006 và Trương Gia B, sinh ngày 03/9/2013, xét thấy con chung đang sống cùng ông T và đều có nguyện vọng sống cùng ông T nên ông Tâm yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của ông T. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Tăng Thị Ngọc G vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn ông Trương Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Tăng Thị Ngọc G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hệ hôn nhân: Ông Trương Văn T và bà Tăng Thị Ngọc G chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2004 ngày 29/7/2004, là hôn nhân hợp pháp. Ông T xác định từ tháng 8/2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà G không đến Tòa án cho thấy bà G không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời ông T kiên quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà G không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà G trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi con chung Trương Vĩnh H, sinh ngày 27/8/2006 và Trương Gia B, sinh ngày 03/9/2013. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng ông T, ông T có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và con chung có nguyện vọng sống cùng ông T. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của ông Tâm là có căn cứ chấp nhận quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của ông T.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Văn T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ông Trương Văn T được ly hôn với bà Tăng Thị Ngọc .
2. Về con chung: Giao con chung Trương Vĩnh H, sinh ngày 27/8/2006 và Trương Gia B, sinh ngày 03/9/2013 cho ông Trương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Văn T và bà Tăng Thị Ngọc G đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà G được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Văn T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013208 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU(01);
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- UBND xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết